

Số: 46/2021/QĐST-DS

Thuận An, ngày 16 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 12 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 01/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc: Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Như P, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 7/77, khu phố BT, phường TG, thành phố TA, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 7/77, khu phố BT, phường TG, thành phố TA, tỉnh B, là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 03/3/2021).

- *Bị đơn:* Ông Lưu Văn B, sinh năm 1941; địa chỉ: Số 3/61, khu phố BT, phường TG, thành phố TA, tỉnh BD.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đào Đức N, sinh năm 1991; địa chỉ: Khu phố 4, phường VT, thị xã TU, tỉnh B, là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 29/01/2021).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Trần Văn N, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 7/77, khu phố BT, phường TG, thành phố TA, tỉnh B.

+ Bà Lưu Thị A, sinh năm 1940; địa chỉ: Số 3/61, khu phố BT, phường TG, thành phố TA, tỉnh B.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Các đương sự thỏa thuận hủy Hợp đồng đặt cọc do bà Đỗ Như P và ông Lưu Văn B lập ngày 08/01/2019.

- Bà Đỗ Như P và ông Trần Văn N tự nguyện tháo dỡ các tài sản gắn liền với diện tích đất 1.161,6m² gồm: 01 nhà ở cấp 4 diện tích 85,7m² kết cấu tường xây gạch, mái tôn, nền gạch men; 01 mái che diện tích 20,8m² và 01 nhà kho diện tích 508m² để trả lại quyền sử dụng đất cho ông Lưu Văn B và bà Lưu Thị A.

(có bản vẽ kèm theo)

- Ông Lưu Văn B có trách nhiệm trả cho bà Đỗ Như P và ông Trần Văn N số tiền đặt cọc đã nhận là 1.750.000.000 đồng (*Một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng*) và công sức cải tạo đất là 1.050.000.000 đồng (*Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng*), tổng cộng là 2.800.000.000 đồng (*Hai tỷ tám trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành, thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Đỗ Như P và ông Trần Văn N phải nộp số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0053460 ngày 30/12/202 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, trả lại cho bà Đỗ Như Phương số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

+ Ông Lưu Văn B là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí tố tụng: Bà Đỗ Như P tự nguyện nộp toàn bộ chi phí đo đạc, định giá là 7000.000đ (*Bảy triệu đồng*) (đã nộp xong).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thuận An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đào Văn Hưng